TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2017/QĐST-HNGĐ	*Ngọc Hồi, ngày 14 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2017/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa: Chị Đỗ Thị Như A – Sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B và anh Châu Văn Q – Sinh năm 1969; Địa chỉ: Làng I, xã B, huyện N, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị Như A – Sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B và anh Châu Văn Q – Sinh năm 1969; Địa chỉ: Làng I, xã B, huyện N, tỉnh K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Như A và anh Châu Văn Q, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Như A được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Châu Đỗ Gia P – sinh ngày 21-10-2015 đến khi trưởng thành, tự lập được, anh Châu Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đỗ Thị Như A và anh Châu Văn Q mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng chị A nhận nộp thay cho anh Q, nay chuyển số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Ái đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Đỗ Thị Như A 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/0001843 ngày 25-10-2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- UBND xã N, TX A, tỉnh B;
- TAND tỉnh K;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá khen